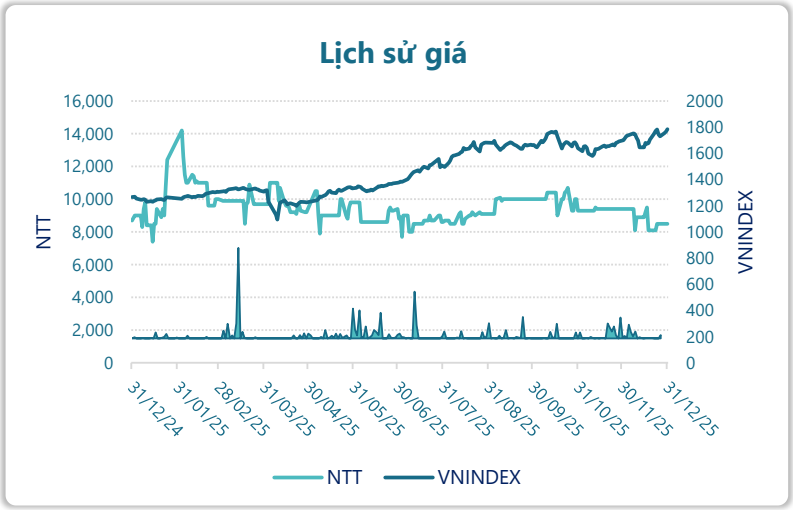
FireAnt

CTCP Dệt - May Nha Trang (UPCOM: NTT)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,400
SL cổ phiếu LH	23,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	240
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	200
P/E	5.1
EPS	1,659

DT thuần

Q4/25

372

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 32.0| 9.4%

YoY: ▼13.0| -3.3%

LN sau thuế

Q4/25

5.53

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.68| 13.9%

YoY: ▲ 2.89| 109%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.2%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2025

1,526

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 294| 23.8%

LN sau thuế

2025

39.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.50| 32.1%

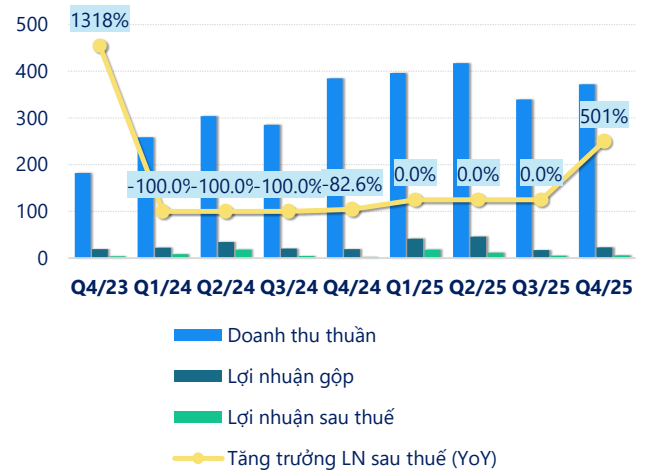
ROE

2025

18.8%

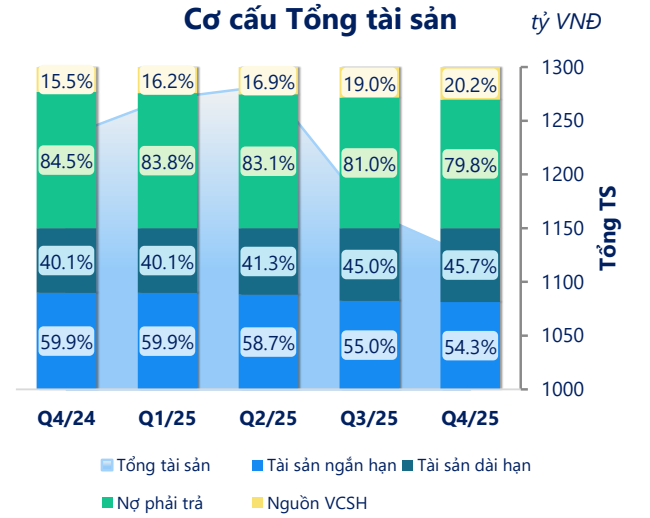
+/- YoY: ▲ 1.8%

Kết quả kinh doanh



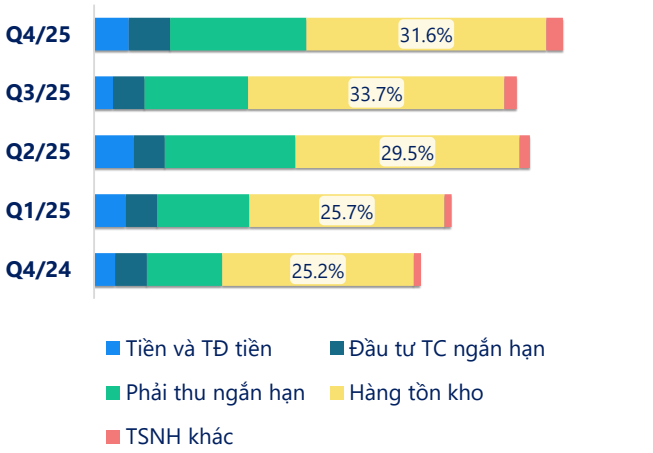
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



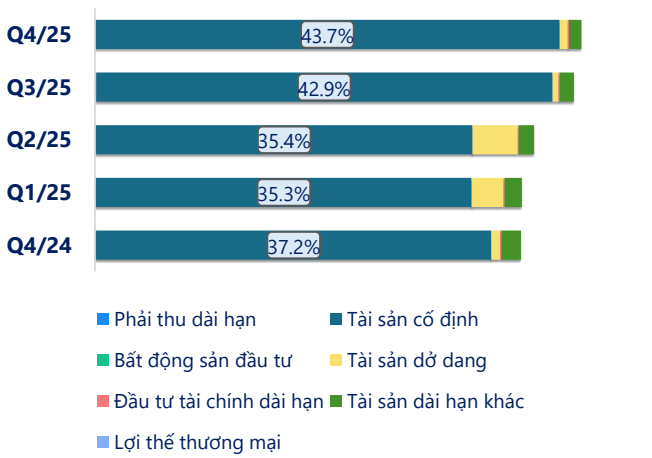
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



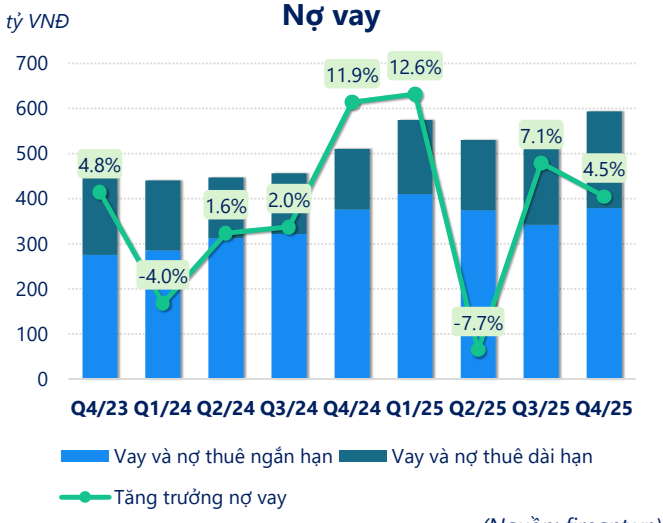
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



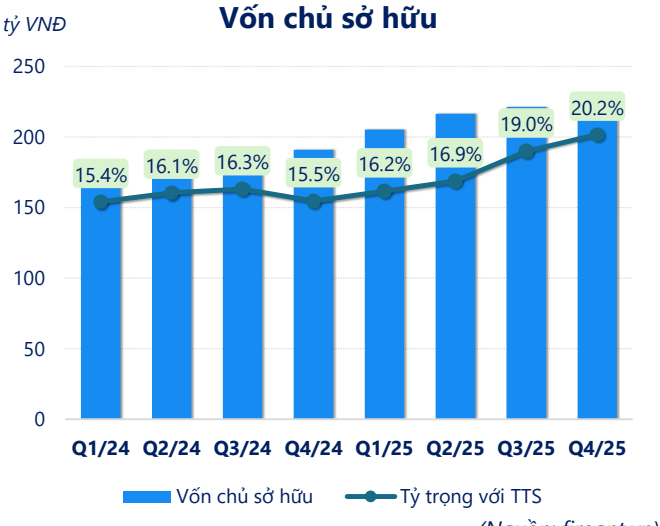
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



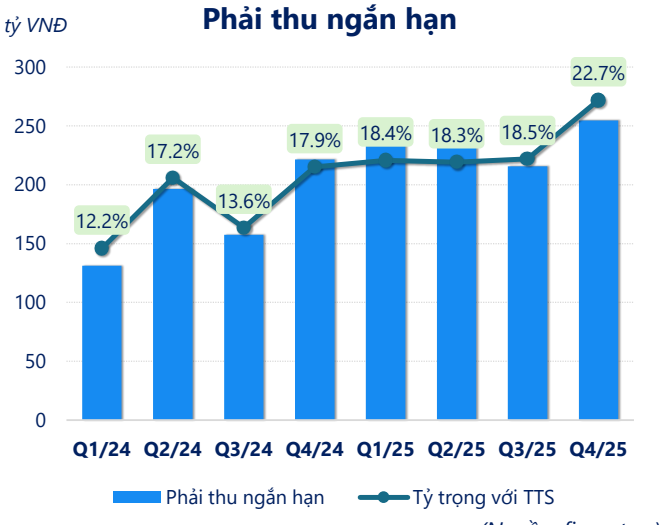
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



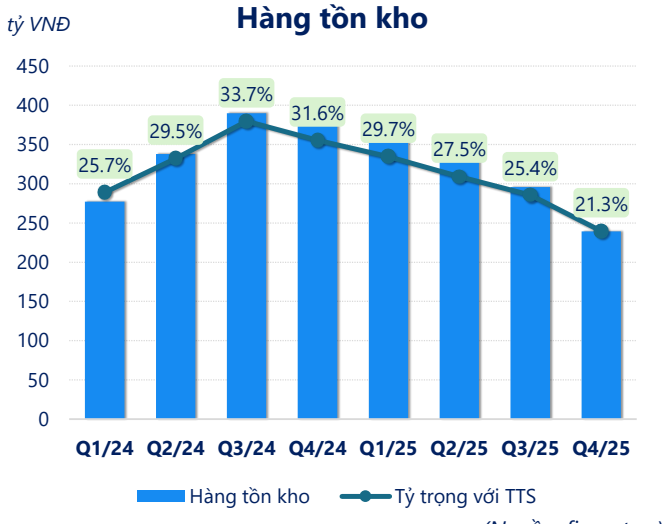
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



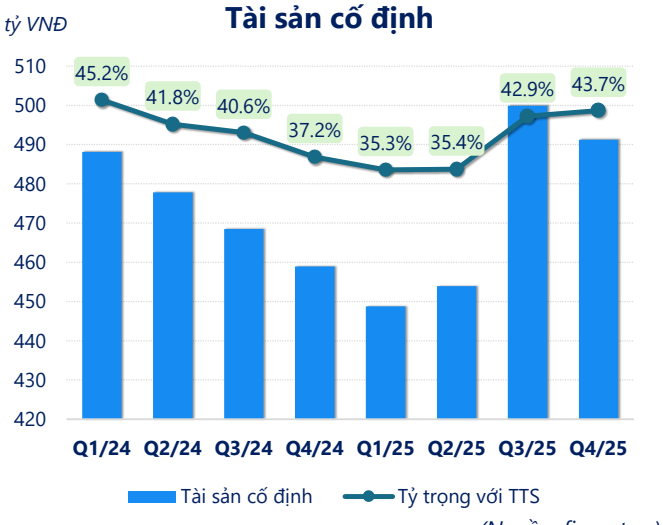
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



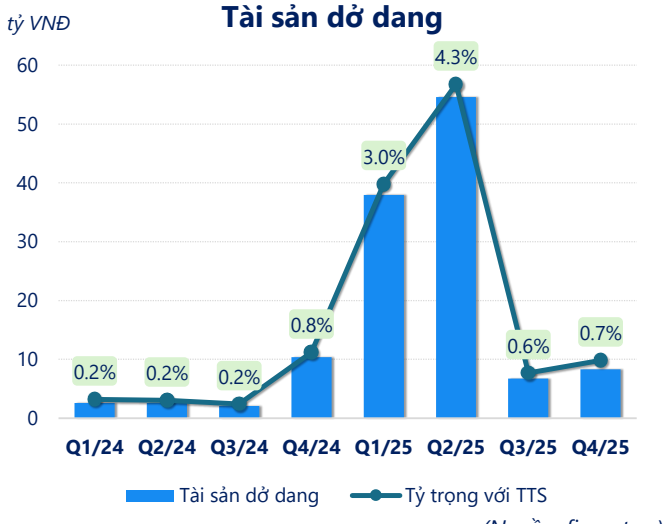
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



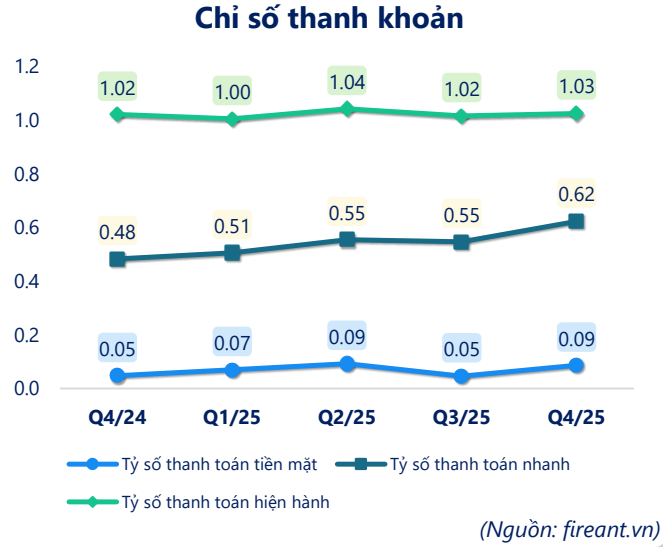
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



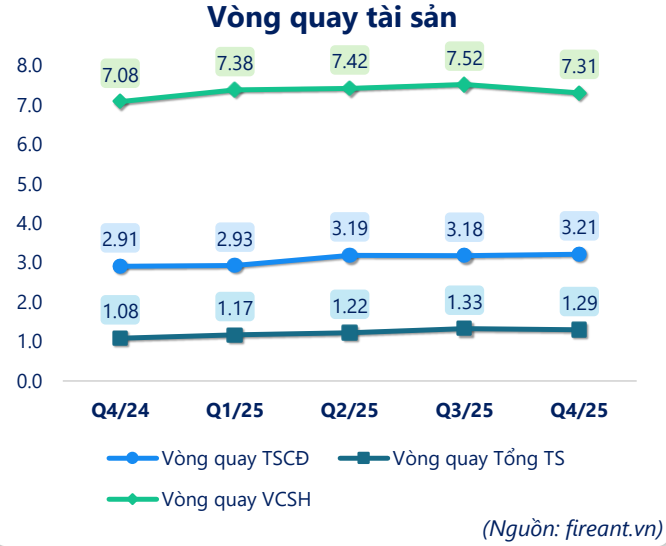
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,235**	**1,271**	**1,283**	**1,165**	**1,124**
Tài sản ngắn hạn	**740**	**761**	**753**	**641**	**610**
Tiền và tương đương tiền	34.2	52.7	66.8	28.9	51.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67.6	62.3	57.3	52.1	11.0
Phải thu ngắn hạn	221	234	234	216	255
Hàng tồn kho	390	378	353	296	239
Tài sản ngắn hạn khác	27.0	33.9	42.3	48.1	53.6
Tài sản dài hạn	**495**	**510**	**529**	**525**	**514**
Phải thu dài hạn	1.36	1.36	1.36	1.36	0
Tài sản cố định	459	449	454	500	491
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	10.4	38.0	54.6	6.73	8.30
Đầu tư tài chính dài hạn	1.22	1.22	1.22	1.22	1.22
Tài sản dài hạn khác	23.1	20.8	18.4	15.7	13.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,044**	**1,065**	**1,066**	**944**	**897**
Nợ ngắn hạn	**725**	**757**	**723**	**631**	**595**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	376	410	374	342	379
Phải trả người bán ngắn hạn	293	306	280	202	155
Nợ dài hạn	319	309	344	314	302
Vay và nợ thuê dài hạn	134	164	156	227	214
Nguồn vốn chủ sở hữu	**191**	**205**	**216**	**221**	**227**
Vốn chủ sở hữu	**191**	**205**	**216**	**221**	**227**
Vốn điều lệ	235	235	235	235	235
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)